

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC – TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo.

2. Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TB-TLVA ngày 27 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà B, tổ H, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Võ Trường G, sinh năm 1979 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Đ trình bày:

Chị và anh Võ Trường G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất

đồng quan điểm, không hòa hợp, thường xuyên cự cãi đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh **Võ Trường G**.

Về con chung: chị và anh **G** chung sống với nhau có 02 con chung tên là **Huỳnh Cát T**, sinh ngày 19/8/2011 và **Huỳnh A**, sinh ngày 19/8/2011 Hiện 02 con chung đang sống cùng chị và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Võ Trường G** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không nộp văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án căn cứ vào đơn khởi kiện bản tự khai, trình bày của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét xử theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký , nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là không chấp hành pháp luật .

Về quan điểm giải quyết vụ án:

-Về hôn nhân :chị **Huỳnh Thị Kim Đ** và anh **Võ Trường G** tự nguyện chung sống từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn.Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi đã sống ly thân cho đến nay với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận chị **Huỳnh Thị Kim Đ** và anh **Võ Trường G** là vợ chồng.

-Về con chung: yêu cầu của chị **Đ** là phù hợp đề nghị Tòa án chấp nhận giao 02 con chung tên là **Huỳnh Cát T**,sinh ngày 19/8/2011 và **Huỳnh A**, sinh ngày 19/8/2011 cho chị **Huỳnh Thị Kim Đ** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh **Võ Trường G** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Huỳnh Thị Kim Đ** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án “Ly hôn” và nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đơn chị **Huỳnh Thị Kim Đ** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Võ Trường G** vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị **Huỳnh Thị Kim Đ** và anh **Võ Trường G** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân bất đồng quan điểm, do không hòa hợp, thường xuyên cự cãi đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị **Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **Đ** được ly hôn với anh **Võ T1**. Như vậy, chị **Đ** và anh **G** có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị **Huỳnh Thị Kim Đ** và anh **Võ Trường G** là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: chị **Đ** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục được 02 con chung tên là **Huỳnh Cát T**, sinh ngày 19/8/2011, **Huỳnh A**, sinh ngày 19/8/2011, không yêu cầu anh **Võ Trường G** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị **Đ** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho 02 con chung; 02 con chung có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của các cháu xét đến nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị **Đ** giao 02 con chung cho chị **Đ** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị **Đ** là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh **G** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: chị **Đ** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra xem xét

[3] Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị **Huỳnh Thị Kim Đ** phải chịu án phí sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Kim Đ**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Huỳnh Thị Kim Đ** và anh **Võ Trường G** là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là **Huỳnh Cát T**, sinh ngày 19/8/2011 và **Huỳnh A**, sinh ngày 19/8/2011 cho chị **Huỳnh Thị Kim Đ** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh **Võ Trường G** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Huỳnh Thị Kim Đ** không yêu cầu.

Anh **Võ Trường G** có quyền thăm chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- Về tài sản, nợ chung :không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không đặt ra xem xét

2. Về án phí: chị **Huỳnh Thị Kim Đ** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. chị **Huỳnh Thị Kim Đ** đã nộp số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003111 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Chị **Đ**, anh **G** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước-TG
- Chi cục THADS huyện Tân Phước-TG ;
- UBND xã Tân Hòa Thành huyện Tân Phước – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trường